

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/7/2019

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ SƠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chí;
2. Ông Lê Nhụ

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/5/2019, quyết định hoãn phiên tòa Số: 20/2019/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2019, qua bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày như sau:

Giữa nguyên đơn anh Lê Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị N trước khi kết hôn có tìm hiểu, sau đó đi đến kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2004, đến ngày 30 tháng 9 năm 2005 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã An Vĩnh. Sau kết hôn

vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 4 người con. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hay cãi vã do cách sống không hợp nhau, mỗi người một ý, không chịu dung hòa nhường nhịn nhau và nguyên đơn cũng đã nhiều lần hàn gắn gia đình để lo cho con cái nhưng không thành. Từ đó hai người không sống chung nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Có 04 con chung tên Lê Thị Cẩm B, sinh ngày 02/11/2005, Lê Thị Đ, sinh ngày 23/5/2007, Lê Thị T, sinh ngày 23/5/2007 và Lê Minh N, sinh ngày 21/4/2013 hiện đang ở với chị N và cháu B đang ở với ông, bà nội ăn học tại Thành phố Quảng Ngãi. Ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu B và cháu N. Trường hợp chị N không đồng ý nuôi con thì anh T nhận nuôi hết 04 cháu, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Như lời trình bày của anh T về tình trạng hôn nhân, con cái và tài sản chung là đúng, vợ chồng kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 4 người con. Tuy nhiên thời gian gần đây giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nên bị đơn chị N về nhà cha đẻ ở từ tháng 8 năm 2018 đến nay, từ đó hai bên ít quan tâm và liên lạc với nhau. Bị đơn mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau lo cho con ăn học trưởng thành, nên không đồng ý ly hôn.

- Về Con chung; Như anh T trình bày là đúng chúng tôi có 04 con chung hiện cháu B ở với ông bà, nội, nếu phải ly hôn chị Nưng yêu cầu được nuôi cháu Lê Minh N vì hiện nay cháu đang ở với chị N, còn các cháu trên 7 tuổi ý các cháu ở với cha hay mẹ là tùy các cháu. Nếu cháu Đ, cháu Tính ở với chị N thì yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu T, mỗi cháu 1.000.000/tháng.

- Tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp; thủ tục cấp, tổng đạt và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N. Về con chung đề nghị giao cháu Lê Thị Cẩm B và cháu Lê Minh N cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị T và cháu Lê Thị Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xét.

Nợ chung: Không có.

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Lê Văn T có đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề về con chung đối với bị đơn chị Nguyễn Thị N, trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 25/02/2019, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn đã thụ lý giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật đã nhận xét Tòa án tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, các đương sự cũng không có bất cứ khiếu nại, ý kiến gì về thủ tục tố tụng của Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Vĩnh vào ngày 30/9/2005 là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Qua trình bày, hai bên đều thống nhất mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đã kéo dài và việc hòa giải, hàn gắn không có kết quả. Năm 2018 anh T đã có đơn xin ly hôn với chị N, sau đó được Tòa án hòa giải anh T đã rút đơn để về đoàn tụ chung sống nhưng vẫn không có kết quả. Mặc dù, chị N không đồng ý ly hôn với anh T vì lý do để lo cho các con, tuy nhiên, xét lời trình bày của hai bên, lúc chung sống với nhau, chị Nương và anh T không hợp nhau hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay cãi vã nhau không ai quan tâm ai, thực tế hai bên không sống chung nhau từ tháng 8 năm 2018 đến nay, chị N bỏ về nhà cha đẻ sống. Nguyên

đơn anh T cũng đã nhiều lần cải thiện tình cảm gia đình để vợ chồng chung sống lo cho các con nhưng không thành. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hai bên không đạt được, tại phiên tòa nguyên đơn anh T cương quyết ly hôn với bị đơn chị N vì cho rằng hai bên không còn thương yêu và quan tâm gì đến nhau nữa.

Với những căn cứ trên, thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 19 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[3] *Về con chung*: vợ chồng có 04 con chung tên Lê Thị Cẩm B, sinh ngày 02/11/2005, Lê Thị Đ, sinh ngày 23/5/2007, Lê Thị T, sinh ngày 23/5/2007 và Lê Minh N, sinh ngày 21/4/2013, Hiện tại cháu Lê Thị Cẩm B đang ở với ông , bà nội ăn học tại Thành phố Quảng Ngãi nguyện vọng của cháu được ở với anh T; cháu Lê Thị Đ và Lê Thị T đang ở với chị N nguyện vọng của hai cháu được ở với chị N. Riêng cháu Lê Minh N, sinh ngày 21/4/2013 chưa đủ 7 tuổi anh T và chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N. Xét điều kiện của anh T làm nghề đánh bắt thủy sản thường vắng nhà, còn chị N làm nghề nông và buôn bán, hiện nay chị N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, để cuộc sống của các cháu được ổn định, nên giao cháu N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào các Điều 81, 82,83, 84 giao cháu Lê Thị Cẩm B cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị Đ, Lê Thị T và Lê Minh N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên có quyền chăm sóc, thăm nom con chung không được ai ngăn cản và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị T mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không giải quyết.

[5] *Nợ chung*: Anh Tấn và chị Nương thống nhất không có nên Tòa án không giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn anh Lê Văn T có nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ

vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Số tiền án phí còn lại anh T phải nộp là 300.000đ

Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị N.

2. *Về con chung:* Có 04 con chung tên Lê Thị Cẩm B, sinh ngày 02/11/2005, Lê Thị Đ, sinh ngày 23/5/2007, Lê Thị T, sinh ngày 23/5/2007 và Lê Minh N, sinh ngày 21/4/2013. Giao cháu Lê Thị Cẩm B cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thị Đ, Lê Thị T và Lê Minh N cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị T mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không giải quyết.

- Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không giải quyết.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là 600.000đ(sáu trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0001054 ngày

25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Sơn. Số tiền án phí còn lại anh T phải nộp là 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng).

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND, CC. THADS H. Lý Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Đức Lộc